

Bản án số: **223/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày 05/8/2019

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Nghệ

2. Bà Ma Thị Thu Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/3/2019, về việc *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Dương Văn P, sinh năm 1990. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Lý Thị X, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các bản khai, anh Dương Văn P trình bày:

Anh kết hôn với chị Lý Thị X vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Trước khi kết hôn vợ chồng anh được tự do tìm hiểu, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, không bị ép buộc. Sau ngày cưới, anh và chị Xi về chung sống tại thôn T, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến khoảng năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến thường xuyên cãi vã, chị X cũng thường bỏ nhà đi nhiều lần không rõ lý do, hiện nay chị X cũng đang đi làm ăn xa nhà thỉnh thoảng mới về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng không thể hàn gắn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị X.

Về con chung: Anh Dương Văn P xác định anh và chị X có 01 con chung là cháu Dương Thu T, sinh ngày 02/02/2010. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh P. Khi ly hôn anh đề nghị được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu và không yêu cầu chị X cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh P xác định anh và chị X không có, vì vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Lý Thị X không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2019, anh Ngô Văn S (là hàng xóm liền kề với gia đình anh Dương Văn P và chị Lý Thị X) là người làm chứng trình bày:

Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống của anh P và chị X như anh P trình bày là đúng. Về nguyên nhân dẫn đến ly hôn do anh chị thường hay cãi vã dẫn đến cuộc sống chung luôn căng thẳng, không có hạnh phúc. Chị X hiện nay đang đi làm ăn xa nhà nhưng vẫn đi về thường xuyên, việc anh P khởi kiện ly hôn với chị X quan điểm của anh là anh P và chị X mâu thuẫn đã quá lớn vì vậy Tòa án nên giải quyết cho anh P và chị X ly hôn là phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Về việc giao nuôi con chung, kể từ khi chị X đi làm ăn xa nhà, cháu T đều ở cùng anh P, do anh P chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh cho rằng nên giao cháu T cho anh P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử cho anh Dương Văn P được ly hôn với chị Lý Thị X; Giao cháu Dương Thu T, sinh ngày 02/02/2010 cho anh Dương Văn P trực tiếp trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lý Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Anh Dương Văn P phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Dương Văn P và chị Lý Thị X kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2010, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị X là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy, chị Lý Thị X đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

[3] Về yêu cầu ly hôn của anh Dương Văn P, Hội đồng xét xử nhận định: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh P, chị X xác định: Anh P và chị X kết hôn vào năm 2010. Sau khi kết hôn, anh chị làm ăn sinh sống tại thôn T, xã Đ, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống tại nơi cư trú, chính quyền địa phương chứng kiến việc anh P và chị X có mâu thuẫn với nhau. Anh P xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị X, không thể quay về đoàn tụ được. Việc mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân giữa anh P và chị X cũng được chính hàng xóm liền kề xác nhận. Từ đó cho thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị X đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh P là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận định: anh P và chị X có 01 con chung là cháu Dương Thu T, sinh ngày 02/02/2010, từ khi chị X bỏ đi làm ăn xa nhà đến nay cháu T ở cùng anh P, anh P đề nghị được quyền nuôi dưỡng cháu T. Kết quả xác minh cho thấy hiện tại cháu T có cuộc sống tốt, đang học lớp 3 tại Trường tiểu học Đ 2, việc học tập và sinh hoạt của cháu được đảm bảo. Bản thân anh P làm nghề lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 120.000đồng/1 ngày, đảm bảo cho việc nuôi con. Mặt khác, hiện tại chị X đi làm ăn xa nhà nhưng cụ thể công việc không rõ ràng, quá trình giải quyết vụ án chị X không hợp tác, không trình bày quan điểm về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, nhưng căn cứ vào kết quả xác minh và ý kiến của anh P, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Dương Thu T cho anh P trực tiếp nuôi

dưỡng là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Chị X không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh P xác định anh và chị X không có tài sản, đất đai, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh P phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị X không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Văn P được ly hôn chị Lý Thị X.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thu T, sinh ngày 02/02/2010 cho anh Dương Văn P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Lý Thị X không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Dương Văn P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000804 ngày 05 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Lý Thị X không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu HS

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

